

Bản án số: 35/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 27 - 9 - 2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nông Khắc Huy
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thúy Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Như Như Nhung – Kiểm sát viên .

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1996;

Cư trú tại: xóm LĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995;

Cư trú tại: xóm LĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Nguyên đơn chị **Hoàng Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Hoàng Văn T kết hôn tháng 11/2014 do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc và được cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau

khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại xóm LĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn, không chung thủy với vợ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T đi đâu làm gì anh không nói cho tôi được biết, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, vì mâu thuẫn quá căng thẳng nên tôi đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã VH, huyện Đ ở từ năm 2020 cho đến nay và sống ly thân anh T từ đó. Hiện nay mỗi người ở một nơi ai biết bốn phần của người đó, không quan tâm gì đến nhau. Tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 23/02/2015. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ L vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh T đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải với chị L nhưng anh T không có mặt, do vậy cán bộ Tòa án đã tổng đạt qua người thân (là bà Hoàng Thị Loan – mẹ đẻ của anh T) theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Hoàng Văn T theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho anh T thông qua người thân ở cùng nhà và có cùng nơi cư trú, bà Hoàng Thị Loan (là mẹ đẻ anh T) nhận thay và cam kết giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T. Tại biên bản xác minh với bà Loan về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T, bà Loan cho biết: Anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L

kết hôn năm 2014, trước khi kết hôn có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T chị L về chung sống cùng gia đình bà đến khi hai vợ chồng đi làm ăn xa thì xảy ra trục trặc về tình cảm, L do chị L ly hôn anh T, chị L nói lại là do anh T không chung thủy nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị L đã về nhà mẹ đẻ ở, hiện nay mỗi người sống một nơi. Nay chị L xin ly hôn anh T là do hai bên tự quyết định, bà không can thiệp vào quan hệ vợ chồng của hai người.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 01 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 23/02/2015 hiện nay bà đang trông nom chăm sóc cháu vì chị L và

anh T đều đi làm đến tối mới về. Trường hợp chị L và anh T ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con cho anh T được nuôi dưỡng để bà có thời gian hỗ trợ chăm sóc cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh T, chị L ở chung với gia đình bà nên anh T và chị L không có tài sản chung.

Nợ chung: Vợ chồng anh T, chị L không có.

Tại biên bản làm việc của Tòa án với bà Hoàng Thị Loan ngày 9/8/2023, bà Loan xác nhận bà đã giao cho anh T tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, bà có động viên anh T đến Tòa án để giải quyết với chị L nhưng việc anh T có đến Tòa án để giải quyết vụ án với chị L hay không bà cũng không biết.

Anh T không hợp tác giải quyết vụ án nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và cũng không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa chị L xác định chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng từ năm 2020 đến nay nên chị xin được ly hôn anh T; Về con chung: Chị không nhất trí giao con cho bà Loan và anh T nuôi dưỡng. Nhà chị với nhà anh T cùng xã VH, hai nhà cách nhau không xa, con chị hiện nay đang học lớp 3 trường tiểu học xã VH, hàng ngày con đi học và ăn bán trú tại trường, chị vẫn đảm B thời gian đưa đón con đi học, mẹ anh T(bà Loan) muốn đưa đón cháu chị không ngăn cản nhưng tới đến chị muốn gần gũi con để dạy con học hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa xác định:

- Về quan hệ hôn nhân: mục đích hôn nhân giữa anh chị L và anh T không đạt được. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Nội dung điều luật quy định:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và L do chính đáng khác”*

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên,

- Căn cứ các điều 21, 28, 147 BLTTDS; các điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Giao con chung là cháu Hoàng Gia B cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. (Có bài phát biểu chi tiết lưu trong hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; Bị đơn anh Hoàng Văn T cư trú tại xóm LĐ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt không có L do là không có ý thức chấp hành pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Hoàng Văn T theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và B vệ. L do ly hôn theo chị L trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng do anh T không chung thủy và không tu chí làm ăn dẫn tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, chị L về nhà bố mẹ để ở và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai không quan tâm gì đến nhau, nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị, cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T.

HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, cả hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân, hai bên đều không quan tâm gì đến

nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: “Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và L do chính đáng khác”

Như vậy xác định tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn T là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 23/02/2015 chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai nguyện vọng của con Hoàng Gia B xin được ở với mẹ. Anh T không tham gia giải quyết vụ án cùng chị L nên không biết quan điểm của anh về con chung như thế nào, bà Loan(mẹ đẻ của anh T) đề nghị giao con cho anh T nuôi dưỡng để bà hỗ trợ chăm sóc cháu cùng với anh T, HĐXX thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là nghĩa vụ, trách nhiệm của bố mẹ đối với con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị L, giao cho chị Hoàng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 23/02/2015 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là phù hợp Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết.

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Gia B, sinh ngày 23/02/2015 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Không giải quyết .

** Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Hoàng Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0003821 ngày 25/7/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Hoàng Thị L, vắng mặt anh Hoàng Văn T. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2014 xã VH,
Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

